

TCT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *88*/QĐ-CPNT2

Nhon Trạch, ngày *02* tháng *08* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: **Phê duyệt Yêu cầu báo giá**

Gói thầu: Mua sắm khăn vật tư để xử lý bất thường Nhà máy điện
Nhon Trạch 2

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-CPNT2 ngày 10/06/2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 20/01/2020 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt và ban hành quy định phân cấp quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-CPNT2 ngày 30/06/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc phê duyệt quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

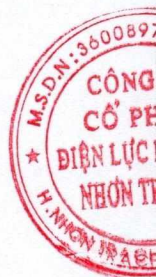
Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-CPNT2 ngày 13/08/2021 của Giám đốc Công ty về việc Phê duyệt và ban hành Quy định cụ thể thực hiện lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-CPNT2 ngày 21/06/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc Phê duyệt chi tiết Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 337/QĐ-CPNT2 ngày 01/08/2022 của Giám đốc Công ty về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm khăn vật tư để xử lý bất thường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Tờ trình số 419/TTr-CPNT2 ngày 01/08/2022 của Các phòng Chức năng về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm khăn vật tư để xử lý bất thường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;

Xét đề nghị của các Phòng chức năng tại Tờ trình số 419/TTr-CPNT2 ngày 01/08/2022 về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm khăn vật tư để xử lý bất thường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.



QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói Mua sắm khăn vật tư để xử lý bất thường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá đính kèm theo quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó Giám đốc phụ trách, các phòng chức năng triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.
- Điều 3.** Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng TM-TTĐ, KTSX, các phòng chức năng của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.KTSX, P.TCKT;
- Lưu VT, P.TM-TTĐ.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm khăn vật tư để xử lý bất thường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân



TỜ TRÌNH

Về việc: Phê duyệt Yêu cầu báo giá

**Gói thầu: Mua sắm khăn vật tư để xử lý bất thường Nhà máy điện
Nhơn Trạch 2**

Kính gửi: Ông Ng ô Đức Nhân – Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty)

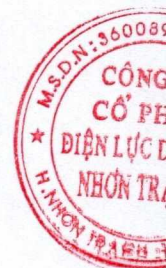
A. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-CPNT2 ngày 10/06/2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 20/01/2020 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt và ban hành quy định phân cấp quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-CPNT2 ngày 30/06/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc phê duyệt quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-CPNT2 ngày 13/08/2021 của Giám đốc Công ty về việc Phê duyệt và ban hành Quy định cụ thể thực hiện lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-CPNT2 ngày 21/06/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc Phê duyệt chi tiết Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Căn cứ Quyết định số 337/QĐ-CPNT2 ngày 01/08/2022 của Giám đốc Công ty về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm khăn vật tư để xử lý bất thường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

B. Nội dung xin phê duyệt

Các phòng chức năng kính trình Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm khăn vật tư để xử lý bất thường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với nội dung cơ bản như sau:

- Thủ tục đấu thầu, gồm các chương sau:
 - Chương I: Yêu cầu nộp báo giá.
 - Chương II: Yêu cầu về phạm vi cung cấp
 - Chương III: Biểu mẫu

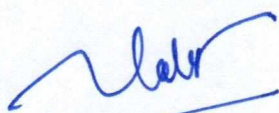


Chương IV: Dự thảo hợp đồng
(Nội dung chi tiết theo Yêu cầu báo giá)

Các phòng chức năng kính đề nghị Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt để Công ty có cơ sở triển khai công tác tiếp theo, theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Trân trọng.

P.TM-TTĐ


Trần Văn Tuyền

P.KTSX


Trần Thị Phien

P.P.TCKT


T.Q. Thang

P.GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Trần Quang Mãn

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.GĐ T.Q.Mãn;
- P.KTSX; P.TCKT;
- Lưu VT, P.TM-TTĐ.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm
khẩn vật tư để xử lý bất thường
Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.



BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu : Mua sắm khăn vật tư để xử lý bất thường Nhà máy
điện Nhơn Trạch 2

Phát hành ngày : 02 / 8 / 2022

Bên mời thầu 



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Quang Mẫn

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp báo giá) gói thầu Mua sắm khăn vật tư để xử lý bất thường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá BBG của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

- Số lượng tối thiểu 02 hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong vòng 03 năm trở lại đây: có giá trị tối thiểu ≥ 300 triệu đồng.
- Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp;

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
----	------------------	----------------

		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi cung cấp			
1	Chủng loại, số lượng vật tư cung cấp	Theo đúng biểu phạm vi cung cấp tại Chương II	Không đúng theo biểu phạm vi cung cấp tại Chương II
2	Tiến độ cung cấp	Theo đúng biểu phạm vi cung cấp tại Chương II	Không đúng theo biểu phạm vi cung cấp tại Chương II
II. Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa			
1	Các thông số kỹ thuật theo biểu phạm vi cung cấp	Đáp ứng hoặc cao hơn yêu cầu trong biểu phạm vi cung cấp tại Chương II	Không đáp ứng yêu cầu trong biểu phạm vi cung cấp tại Chương II
2	Có cam kết ngày sản xuất hàng hóa cung cấp sau ngày 01/01/2022 .	Có cam kết	Không có cam kết
III. Chế độ Bảo hành			
1	Nhà thầu có cam kết thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: ≥ 01 năm kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.	Có cam kết	Không có cam kết

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng theo yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2: Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần ghi chú);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần ghi chú);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu: Bảng Báo giá có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không

ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu 03a (bao gồm Mẫu 03a (1)) Chương III;
3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp;
4. Bản sao hợp đồng tương tự;
5. Các chứng từ khác theo yêu cầu Báo giá.

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận BBG.

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai không được muộn hơn 05 ngày kể từ ngày bắt đầu phát hành yêu cầu báo giá. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 2;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu ",", (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này

thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên trang thông tin điện tử (<http://pvpnt2.vn>) của Công ty.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp theo hình thức chuyển khoản (Tên: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, số tài khoản: 006704070001112, ngân hàng: TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa) hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng hợp pháp đang hoạt động tại Việt Nam đặt phát hành có giá trị bằng 3% giá hợp đồng với thời hạn 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Mục 13. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

Stt	Danh mục	Đơn vị	Số lượng	Mô tả hàng hóa	Tiến độ cung cấp	Chứng từ cung cấp
1	Filter element	pcs	1	10 mu 3111702106 Element No: 938777Q	15 ngày	CQ
2	Bộ Auma Norm và động cơ đi kèm	set	1	- Aumamatic: AM 01.1 Com no: 23030845 - Auma norm: SG 10.1-F10 Com no: 23030845 - Mortor: SD00 50-2/60 Art no: Z024.212	4 tuần	CO, CQ
3	Rơ le thời gian MK7850N.82/200 AC/DC 12-24V t=0.02s-300h	pcs	1	Rơ le thời gian MK7850N.82/200 AC/DC 12-24V t=0.02s-300h	8 tuần	CO, CQ

(*) Ghi chú:

- CO là Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa;

- CQ là Giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa;

(1) tương đương là tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, đảm bảo hoạt động tốt phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

2. Tiến độ cung cấp:

Thời gian cung cấp toàn bộ hàng hóa như yêu cầu tại Phạm vi cung cấp hàng hóa.

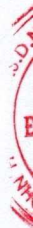
Nhà thầu được phép giao hàng sớm hơn quy định. Trong trường hợp chậm tiến độ, Nhà thầu sẽ bị phạt theo quy định tại Chương IV: Dự thảo hợp đồng.

Mục 2. Kiểm tra và thử nghiệm

- ✓ PVPower NT2 hoặc đại diện của PVPower NT2 có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian sẽ do PVPower NT2 thông báo trước và được Nhà thầu thống nhất chấp thuận.
- ✓ Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì PVPower NT2 có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc

tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, PVPower NT2 có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của PVPower NT2 không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.

- ✓ Trong trường hợp không thống nhất được quan điểm giữa hai Bên về phương pháp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa hoặc Nhà thầu không chứng minh được về chất lượng hàng hóa thì hai Bên thống nhất mời một đơn vị độc lập có chức năng thực hiện công tác này chi phí do Nhà thầu chịu.
- ✓ Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Tại kho của bên mời thầu; Nhà máy điện CTHH Nhơn Trạch 2 - Ấp 3 - xã Phước Khánh – huyện Nhơn Trạch – tỉnh Đồng Nai.



Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]
Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]
Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1		(I1)
Tổng cộng giá chào: (I)= (I1) <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

89
IG
PH
CI
TR
TH

BẢNG GIÁ CHÀO

1	2	3	4	5	6	7	8
Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (VND/ĐVT)	Thành tiền (VND)
1							
Tổng cộng giá chào theo số lượng đã bao gồm thuế, phí <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							(I1)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (5), (6), (7), (8) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện công việc theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có).

310
CY
IN
U
CH
1.9

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ _____ [Bộ luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/06/2005];

- Căn cứ⁽¹⁾ _____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015];

- Căn cứ⁽¹⁾ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽¹⁾ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] của _____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là PVPower NT2)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Nhà thầu)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

¹ Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

PVPower NT2 giao cho Nhà thầu thực hiện cung cấp vật tư theo yêu cầu cụ thể như Phụ lục 1 – Biểu giá và phạm vi cung cấp (đính kèm).

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của PVPower NT2

- Cung cấp cho Nhà thầu các tài liệu của NMDN Nhơn Trạch 2 liên quan tới việc thực hiện hợp đồng trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cung cấp tài liệu của Nhà thầu;
- Phối hợp với Nhà thầu xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- Cử đại diện của mình phối hợp và theo dõi Nhà thầu triển khai thực hiện các công việc phù hợp với các quy định của hợp đồng;
- Tiếp nhận, kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa theo đề nghị của Nhà thầu;
- Cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo quy định của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Nhà thầu

- Thực hiện các công việc theo đúng quy định của hợp đồng;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động và chịu sự giám sát của PVPower NT2 trong quá trình thực hiện công việc;
- Thực hiện đúng, đầy đủ các Điều khoản đã ghi trong hợp đồng;
- Cung cấp cho PVPower NT2 mọi thông tin cần thiết liên quan đến việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của PVPower NT2.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
 - b) Thời hạn thanh toán: PVPower NT2 thanh toán 100% giá trị của hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày PVPower NT2 nhận được hồ sơ đề nghị thanh

toán của Nhà thầu gồm:

- Một (01) Bản gốc Công văn đề nghị thanh toán;
- Một (01) Bản gốc hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài chính;
- Một (01) Bản gốc thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo hình thức đặt cọc bằng Séc có giá trị bằng 3% giá hợp đồng;
- Một (01) Bản gốc Biên bản nghiệm thu hàng hóa;
- Một (01) Bản gốc/Bản copy có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp;
- Một (01) Bản gốc/Bản copy có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp;
- Một (01) Bản sao y tờ khai hải quan đối với hàng hóa bên B nhập khẩu trực tiếp; hoặc bản sao y hợp đồng giữa bên B với nhà nhập khẩu/cung cấp trong nước đính kèm tờ khai hải quan có xác nhận của nhà nhập khẩu đối với phần hàng hóa bên B không trực tiếp nhập khẩu mà quy định phải cấp CO tại Biểu giá và phạm vi cung cấp
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có);
- Một (01) Bản gốc Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng.

c) Số lần thanh toán: 01 lần.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Điều 8. Giao hàng và nghiệm thu

8.1 Thời gian giao hàng: Nhà thầu sẽ giao hàng cho PVPower NT2 theo tiến độ quy định tại Điều 7 hợp đồng này.

8.2 Thủ tục giao hàng:

- ❖ Thông báo giao hàng: Nhà thầu sẽ gửi thông báo giao hàng bằng văn bản cho PVPower NT2 trước 03 ngày để PVPower NT2 tiến hành tổ chức nghiệm thu.
- ❖ Biên bản bàn giao: Gồm 04 (bốn) bản được đại diện giữa hai bên xác nhận tại thời điểm giao hàng.
- ❖ Một (01) Bản copy Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp;
- ❖ Một (01) Bản copy Giấy chứng nhận chất lượng/các chứng chỉ tương đương do nhà sản xuất cấp;
- ❖ Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có);
- ❖ Một (01) Bản copy có xác nhận của Nhà thầu tờ khai hải quan nhập khẩu đối với phần hàng hóa Nhà thầu nhập khẩu trực tiếp;

❖ Hợp đồng giữa Nhà thầu với nhà cung cấp trong nước đối với phần hàng hóa Nhà thầu không trực tiếp nhập.

8.3 Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (PVPower NT2 sẽ phối hợp, hỗ trợ phương tiện nâng hạ để giao nhận hàng hóa).

8.4 Chi phí giao hàng: Toàn bộ chi phí giao hàng do Nhà thầu chịu.

Điều 9. BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BẢO LÃNH BẢO HÀNH

- Trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B sẽ chuyển cho Bên A một thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc đặt cọc bằng Séc với giá trị tương đương với 3% giá hợp đồng với thời hạn 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi hai bên ký biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng và Bên B nộp bảo lãnh bảo hành cho toàn bộ hàng hóa theo hợp đồng.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B do việc không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.
- Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT và có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đợt cuối. Trường hợp phát hành bảo lãnh sau ngày nghiệm thu thì hiệu lực của bảo lãnh kể từ ngày phát hành bảo lãnh hợp lệ.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, Chứng thư bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh bảo hành phải do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. PVPower NT2 hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:
 - a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được PVPower NT2 gia hạn;
 - b) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;
 - c) Các hành vi khác (nếu có).
2. Trong trường hợp PVPower NT2 chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, PVPower NT2 có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Nhà thầu đã không thực hiện. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho PVPower NT2 những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà

mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp PVPower NT2 chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, PVPower NT2 không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của PVPower NT2 được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. PVPower NT2 và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo các quy tắc của Việt Nam hoặc của tòa án theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài hoặc tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các Bên.

Điều 12. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, PVPower NT2 giữ 03 bộ, Nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a(1)].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____[Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____[Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____[Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____[Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____[Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____[Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____[Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____[Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____[Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.